

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 23-8-2022  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Đào Việt Khái.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2022 và tại phiên tòa, ông Trần Hoàng L trình bày: Vào năm 1979 ông và bà Phạm Thị L kết hôn nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ với nhau và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị L. Về con chung, có bốn người tên là Trần Thị Ngọc N (giới tính nữ), sinh năm 1986, Trần Thị Ngọc Y (giới tính nữ), sinh năm 1989, Trần Đăng H (giới tính nam), sinh năm 1992 và Trần Hy V (giới tính nam), sinh năm

1994. Cả bốn người con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung ông và bà L tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc ông Trần Hoàng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Phạm Thị L cư trú tại ấp C, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phạm Thị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, ông Trần Hoàng L và bà Phạm Thị L kết hôn vào năm 1979 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì ông L và bà L đã xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn thì ông L cho rằng quá trình chung sống giữa ông L và bà L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án bà L không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông L cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho ông Trần Hoàng L ly hôn với bà Phạm Thị L là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có bốn người tên là Trần Thị Ngọc N (giới tính nữ), sinh năm 1986, Trần Thị Ngọc Y (giới tính nữ), sinh năm 1989, Trần Đăng H (giới tính nam), sinh năm 1992 và Trần Hy V (giới tính nam), sinh năm 1994. Cả bốn người con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét.

[4] Ông Trần Hoàng L xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Bà Phạm Thị L không có ý kiến về vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Trần Hoàng L phải chịu. Tuy nhiên, ông Trần Hoàng L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên ông Trần Hoàng L được miễn nộp toàn bộ án phí phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Hoàng L ly hôn với bà Phạm Thị L.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Hoàng L được miễn nộp toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- L: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Huệ**